

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày: 12-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh;

Ông Nguyễn Văn Đang.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Phan Thị C, sinh ngày 24/6/1986, tại huyện C, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: tổ A, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Ngọc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có chồng D Đắc T và 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trịnh Minh D, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm H, xã D, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị C không có nghề nghiệp ổn định, C tự đứng ra cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao để thu lời bất chính. Thông qua mối quan hệ quen biết với

anh Trịnh Minh D và anh Nguyễn Văn V biết C cho vay lãi không cần thế chấp tài sản nên đã hỏi vay tiền, C đồng ý. Cụ thể như sau:

Phan Thị C cho anh Trịnh Minh D vay 2 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 15/5/2023, anh Trịnh Minh D đến nhà C ở tổ A, phường N, thành phố T vay 4.000.000 đồng, C đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (*tương đương với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự*), trả lãi theo tháng, một tháng được tính là 30 ngày không kể tháng thiếu, tháng thừa cho đến khi trả xong cả gốc, anh D đồng ý. Do tin tưởng anh D nên C không yêu cầu anh D viết giấy vay tiền, C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, bên trong cài đặt ứng dụng Internet Bank king, chuyển từ tài khoản ngân hàng Vietinbank mang tên Phan Thị C đến tài khoản ngân hàng MB bank mang tên Trịnh Minh D số tiền 4.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ngày 14/7/2023, anh D chuyển khoản trả tiền lãi cho C 02 tháng (từ 15/5 đến 15/7/2023) là 720.000 đồng. Đến ngày 25/7/2023, do cần thêm tiền anh D tiếp tục đến nhà C hỏi vay 26.000.000 đồng, C đồng ý cho anh D vay 26.000.000 đồng với mức lãi suất và thời hạn thanh toán như lần trước, anh D đồng ý. C không yêu cầu anh D viết giấy vay tiền, C tiếp tục sử dụng điện thoại di động vào ứng dụng Internet Bank king, sử dụng tài khoản ngân hàng của mình chuyển khoản số tiền 26.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MB bank mang tên Trịnh Minh D, chuyển xong C và anh D thống nhất gộp số tiền gốc 4.000.000 đồng của lần vay trước với 26.000.000 đồng của lần vay thứ hai thành một khoản vay mới là 30.000.000 đồng, tính từ ngày 25/7/2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 24/8/2023 anh D chuyển khoản trả tiền lãi cho C số tiền 2.820.000 đồng (gồm tiền lãi từ ngày 25/7/2023 đến ngày 25/8/2023 là 2.700.000 đồng và tiền lãi 120.000 đồng của khoản 4.000.000 đồng từ ngày 15/7/2023 đến ngày 25/7/2023). Từ ngày 25/9/2023 đến 25/7/2024 anh D chuyển khoản trả tiền lãi cho C tổng số tiền là 29.700.000 đồng (mỗi tháng là 2.700.000 đồng), khoản vay đã kết thúc. Ngày 01/8/2024 anh D chuyển khoản trả cho C 30.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi từ ngày 25/7/2024 đến ngày 01/8/2024 C không tính.

Như vậy, đối với khoản vay 4.000.000 đồng từ ngày 15/5/2023 đến ngày 25/7/2023, anh D đã trả lãi cho C 71 ngày tiền lãi với tổng số tiền 840.000 đồng. Từ ngày 25/7/2023, khoản tiền gốc 4.000.000 đồng được cộng vào gốc cùng khoản vay mới 26.000.000 đồng, tổng tiền gốc thành 30.000.000 đồng. Đối với khoản vay 30.000.000 đồng từ ngày 25/7/2023 đến ngày 25/7/2024, anh D đã trả cho C tổng tiền lãi là 32.400.000 đồng. Ngày 01/8/2024 anh D trả 30.000.000 đồng tiền gốc, như vậy khoản vay đã kết thúc.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ ngày 15/5/2023 đến ngày 25/7/2024, Phan Thị C cho anh Trịnh Minh D vay tổng số tiền 30.000.000 đồng; tiền lãi thực tế C đã thu được là 33.240.000 đồng, tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự chỉ được phép thu là 6.155.616 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của bộ luật dân sự (tiền thu lời bất chính) là 27.084.384 đồng.

Phan Thị C cho anh Nguyễn Văn V vay số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 30/12/2023, anh Nguyễn Văn V đến nhà C ở tổ A, phường N, thành phố T hỏi vay 50.000.000 đồng, C đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (*tương đương với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự*), trả lãi theo tháng, một tháng được tính là 30 ngày không kể tháng thiếu, tháng thừa cho đến khi trả xong cả gốc, anh V đồng ý. Do tin tưởng anh V nên C không yêu cầu anh V viết giấy vay tiền, C sử dụng điện thoại di động vào ứng dụng Internet Bank king vào tài khoản ngân hàng Vietinbank mang tên Phan Thị C chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MB bank mang tên Nguyễn Văn V.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 06/3/2024 anh V chuyển khoản trả tiền lãi cho C 02 tháng (tháng 01 và tháng 02/2024) là 9.000.000 đồng. Đến ngày 22/3/2024, anh V chuyển khoản trả cho C tổng số tiền 53.450.000 đồng (gồm tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 3.450.000 đồng), như vậy khoản vay đã kết thúc.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2023 đến ngày 22/3/2024, Phan Thị C cho anh Nguyễn Văn V vay số tiền 50.000.000 đồng; thực tế C đã thu được 12.450.000 đồng tiền lãi, tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.273.973 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của bộ luật dân sự (tiền thu lãi bất chính) là 10.176.027 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền Phan Thị C thực tế đã thu lợi bất chính từ việc cho anh Trịnh Minh D và anh Nguyễn Văn V vay là: 27.084.384 + 10.176.027 = 37.260.411 đồng.

Ngày 04/11/2024, Phan Thị C tự nguyện giao nộp số tiền gốc đã cho anh Trịnh Minh D vay là 30.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 86/CT-VKSTPTĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phan Thị C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị C và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Phan Thị C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phan Thị C từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu vàng, đã qua sử dụng; số tiền 30.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim có dòng chữ và số 8984048000002504901 4G Viettel.

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và 8.429.589 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền đã thu lời bất chính bị cáo đã hoàn trả lại cho anh D, anh V nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trịnh Minh D và anh Nguyễn Văn V đều trình bày: có vay của Phan Thị C số tiền lần lượt là 30.000.000 đồng và 50.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Diễn biến sự việc như cáo trạng đã nêu. Đến nay, anh V và anh D đã nhận lại số tiền bị cáo thu lời bất chính nên không có ý kiến, đề nghị gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình với diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khẳng định bản thân bị truy tố về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng người, đúng tội, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tang vật, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: trong thời gian từ ngày 23/10/2022 đến ngày 10/12/2023, bị cáo Phan Thị C đã cho nhiều người vay tổng số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, cao hơn gấp 5,47 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20% nhằm thu lời bất chính tổng số tiền 37.260.411 đồng.

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....”.

Như vậy, hành vi của bị cáo Phan Thị C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật.

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, số tiền nhằm thu lợi bất chính, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội, đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; sim điện thoại không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội:

- Đối với số tiền gốc 80.000.000 đồng bị cáo sử dụng cho anh D, anh V vay

lãi nặng là công cụ phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải nộp 50.000.000 đồng tiền gốc còn lại để sung quỹ nhà nước..

- Đối với số tiền 8.249.589 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản tiền cho anh D và anh V vay. Đây là số tiền bị cáo do phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do đó, cần buộc bị cáo phải nộp số tiền 8.249.589 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Cộng các khoản tiền bị cáo phải nộp để sung nộp ngân sách Nhà nước là 58.249.589 đồng.

Đối với số tiền 39.363.014 đồng thu lời bất chính của anh Trịnh Minh D, Nguyễn Văn V. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã trả lại cho anh D và anh V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nguồn gốc số tiền cho vay: bị cáo khai nhận số tiền 80.000.000 đồng là tiền làm ăn tiết kiệm của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: bị cáo Phan Thị C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phan Thị C 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu vàng, số imei: 359176072516565, đã qua sử dụng.

+ Số tiền 30.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phan Thị C phải nộp số tiền 58.249.589 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim có dòng chữ và số 8984048000002504901 4G Viettel.

(chi tiết vật chứng theo Biên bản mở niêm phong, giao nhận vật chứng và niêm phong lại vật chứng lập ngày 26/11/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tam Điệp và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp. Số tiền 30.000.000 đồng đã được chuyển đến tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp theo ủy nhiệm chi lập ngày 25/11/2024).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả lại cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: bị cáo Phan Thị C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/12/2024; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Cơ quan Điều tra CATP Tam Điệp;
- Cơ quan THA hình sự CATP Tam Điệp;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tam Điệp;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bích Hồng